Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 167/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Địa điểm làm thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh bao gồm hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập do Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tại khoản 2 Điều này được làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, hàng chuyển phát nhanh.

Đối với hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.

Đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Căn cứ vào quy hoạch và công bố hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn (ICD), ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế và các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc tổ chức bộ máy, bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan; cơ quan hải quan công nhận kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây:

a) Quà biếu, quà tặng của cá nhân;

b) Tài sản di chuyển của cá nhân;

c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ;

d) Hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;

đ) Hàng hóa tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

e) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan

1. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý, sản phẩm văn hóa, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan;

b) Phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Đối tượng chịu sự kiểm tra hải quan:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

c) Hồ sơ hải quan và các chứng từ liên quan đến đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối tượng chịu sự giám sát hải quan:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

c) Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan; hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang lưu giữ tại các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân;

d) Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành được đưa về bảo quản chờ thông quan;

đ) Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan."

4. Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

"4. Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan."

https://thuvienxuatnhapkhau.com

5. Sửa đổi các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và bổ sung khoản 7 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Điều kiện về tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế:

Doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:

a) Hành vi trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;

b) Hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Đội trưởng Hải quan và các chức danh tương đương.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán:

a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.

Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chưa đủ thời gian hoạt động để lập báo cáo tài chính năm được kiểm toán thì điều kiện này được đánh giá theo điểm a khoản 2 Điều này kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên."

https://thuvienxuatnhapkhau.com

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ

a) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát, kiểm soát vận hành thực tế hoạt động của doanh nghiệp, trong đó bao gồm các nội dung sau:

a.1) Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định, cung cấp được cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;

a.2) Giám sát nội bộ doanh nghiệp: Tự tiến hành đánh giá, rà soát hoạt động của các bộ phận và đề ra các biện pháp cải tiến; có quy trình để đào tạo nội bộ liên quan đến các vấn đề về đảm bảo an ninh theo quy định tại điểm b khoản này và các biện pháp ứng phó khi xảy ra các vấn đề về an ninh;

a.3) Quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; có biện pháp cải tiến, khắc phục đối với trường hợp xảy ra các bất thường; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận;

a.4) Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế.

Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp không phát sinh tiền thuế nợ theo quy định.

b) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó bao gồm các nội dung sau:

b.1) An ninh hàng hóa: Có biện pháp để đảm bảo tính nguyên trạng của hàng hóa và kiểm soát việc tiếp cận hàng hóa phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp;

b.2) An ninh vận tải: Có biện pháp nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa;

b.3) An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp: Có biện pháp phân chia và ngăn cách các khu vực làm việc phù hợp với tính chất đặc thù ngành hàng và yêu cầu về an ninh hàng hóa; phân quyền, hạn chế tiếp cận đối với hàng hóa, biện pháp phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các khu vực làm việc của doanh nghiệp; có hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu trữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) dữ liệu ca-mê-ra lưu giữ tại doanh nghiệp tối thiểu 03 tháng;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b.4) Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin: Có biện pháp đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp;

b.5) An ninh nhân sự: Có biện pháp đảm bảo nhân sự đang làm việc tại các vị trí quan trọng (tổng giám đốc, giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các bộ phận: Xuất khẩu, nhập khẩu, kho, an ninh) khi tuyển dụng không bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật; có biện pháp kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về nhân sự làm việc tại các vị trí quan trọng nêu trên; có biện pháp nhận diện nhân viên của doanh nghiệp và ngăn chặn những nhân viên đã nghỉ việc truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của doanh nghiệp;

b.6) An ninh đối tác thương mại: Trong các hợp đồng ký với các đối tác thương mại (đối tác mua bán hàng hóa, vận tải nội địa, vận tải quốc tế, đại lý làm thủ tục hải quan, các nhà cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải thể hiện các điều khoản về an ninh phù hợp với hình thức, quy mô, tính chất, mặt hàng kinh doanh để đảm bảo tính chính xác về thông tin và nguyên trạng của hàng hóa, dịch vụ."

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch tối thiểu 100 triệu USD/năm;

b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 40 triệu USD/năm;

c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 30 triệu USD/năm;

Kim ngạch quy định tại các điểm a, b và c khoản này là kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu bình quân trong 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên hoặc trong giai đoạn đánh giá gia hạn, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác."

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Các điều kiện khác thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công."

e) Bổ sung khoản 7 như sau:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

"7. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này.

Doanh nghiệp được công nhận theo khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công phải duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

Doanh nghiệp được công nhận theo khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công phải duy trì việc được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thuộc nhóm doanh nghiệp tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"**Điều 11. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên**

1. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính;

c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính;

d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chụp;

đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;

e) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;

g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh): 01 bản chụp, trong đó bao gồm:

g.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế;

g.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.

Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hải quan thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn, doanh nghiệp không nộp hồ sơ thì xác định hồ sơ không đạt yêu cầu.

Doanh nghiệp có thể đề nghị tham vấn cơ quan hải quan về các quy định liên quan đến chế độ ưu tiên trước khi nộp hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;

c) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;

d) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;

đ) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp kèm tài liệu thuyết minh: 01 bản chụp, trong đó bao gồm:

đ.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế;

đ.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.

e) Công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: 01 bản chụp;

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cục Hải quan.

4. Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:

a) Thẩm định:

Cục Hải quan tiến hành thẩm định, xem xét về việc áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể:

a.1) Thẩm định hồ sơ: Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan đánh giá, đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này. Thời gian thẩm định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ, Cục Hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.

Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo kết quả thẩm định hồ sơ, Cục Hải quan tổ chức thẩm định thực tế;

a.2) Thẩm định thực tế:

Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.

Trường hợp doanh nghiệp đã được kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan trong thời gian 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra sau thông quan này và thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp để đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở người khai hải quan.

Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có thời gian kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên dưới 02 năm thì cơ quan hải quan không thực hiện kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá công nhận. Cơ quan hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở người khai hải quan.

b) Xử lý kết quả thẩm định

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định thực tế hoặc kết thúc việc xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:

Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định.

Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục Hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

5. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:

a) Doanh nghiệp được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên khi duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Trong thời gian 03 tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, Cục Hải quan căn cứ các thông tin thu thập, kết quả quản lý để tổ chức thực hiện đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp;

b) Đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:

b.1) Cục Hải quan tổ chức tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

b.2) Trường hợp không đủ thông tin để tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp thì Cục Hải quan tiến hành thẩm định thực tế hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan.

Trường hợp thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không thực hiện được vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá việc duy trì, đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên bằng hình thức trực tuyến trên cơ sở thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp, chia sẻ.

Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.

c) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên trong thời gian 03 năm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nếu doanh nghiệp vẫn duy trì đáp ứng các điều kiện theo quy định.

6. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện quy định tại Điều 45 Luật Hải quan trong thời hạn quy định thì thông báo tới Cục Hải quan để xem xét ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

7. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

Cục trưởng Cục Hải quan ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan;

c) Doanh nghiệp đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Doanh nghiệp gửi văn bản tới Cục Hải quan nêu lý do đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp.

8. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các mẫu, biểu hồ sơ liên quan đến việc thực hiện chế độ ưu tiên."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên

1. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục và duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên;

b) Phối hợp với doanh nghiệp xử lý ngay các vấn đề vướng mắc phát sinh;

c) Phối hợp với các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra giám sát trước cho doanh nghiệp ưu tiên;

d) Cục Hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hoặc đột xuất; có biện pháp giám sát và đánh giá trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với việc duy trì đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên sau khi được công nhận; kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày được Cục trưởng Cục Hải quan công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm);

đ) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định việc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hải quan.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:

a) Tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế, chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b) Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý về tình hình hoạt động xuất nhập khẩu, tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế, kế toán của doanh nghiệp (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) bằng phương thức điện tử gửi Cục Hải quan trong 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của quý tiếp theo;

c) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp gửi Cục Hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước bằng phương thức điện tử;

d) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định;

đ) Thực hiện việc trao đổi thông tin với cơ quan hải quan để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên;

e) Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo cơ quan hải quan về những sai sót đã phát hiện, khắc phục;

g) Khi được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề cần làm rõ trong quá trình quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo;

h) Thông báo cho Cục Hải quan danh sách đại lý làm thủ tục hải quan cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp;

i) Theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan.

3. Trách nhiệm của cơ quan liên quan

Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật theo từng lĩnh vực phụ trách khi có văn bản đề nghị của cơ quan hải quan.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản."

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối với hàng hoá xuất khẩu:

a) Trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế, được xác định trên cơ sở trị giá thực tế của hàng hóa tại cửa khẩu xuất, theo trình tự các phương pháp sau:

a.1) Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất bao gồm giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu phù hợp với chứng từ có liên quan nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa;

a.2) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu trị giá hải quan sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá;

a.3) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá;

a.4) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất.

b) Cửa khẩu xuất được xác định như sau:

b.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu xuất là cảng xếp hàng, nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp lên phương tiện vận tải tại cảng ghi trên tờ khai hải quan;

b.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu xuất là địa điểm xếp hàng nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp lên phương tiện vận tải tại cửa khẩu đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan;

b.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu xuất là cửa khẩu biên giới nơi xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các chứng từ khác có liên quan.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Trường hợp hàng hóa xuất khẩu vào khu phi thuế quan, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đối với hàng hoá nhập khẩu:

a) Trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định theo trình tự các phương pháp sau:

a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu;

a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt;

a.3) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự;

a.4) Phương pháp trị giá khấu trừ;

a.5) Phương pháp trị giá tính toán;

a.6) Phương pháp suy luận.

Trường hợp người khai hải quan đề nghị bằng văn bản thì trình tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp trị giá tính toán có thể hoán đổi cho nhau.

b) Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:

b.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng hóa nhập khẩu ghi trên vận đơn;

b.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập đầu tiên là ga đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan;

b.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu nhập đầu tiên là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam ghi trên tờ khai hải quan.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam, cửa khẩu nhập đầu tiên là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam."

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

"Điều 21. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan

1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

2. Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và giải phóng hàng theo quy định. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.

3. Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định và giải phóng hàng hóa theo quy định, người khai hải quan thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá khai báo.

a) Trường hợp người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định thì thực hiện khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan thực hiện tham vấn, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định;

b) Trường hợp bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan đề nghị người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định;

c) Trường hợp chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo.

4. Trường hợp không thuộc khoản 2, 3 Điều này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông quan hàng hóa theo quy định.

5. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần.

Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

https://thuvienxuatnhapkhau.com

công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố tỷ giá.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này."

10. Bổ sung Điều 22a như sau:

"Điều 22a. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê được xây dựng theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 20 Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với các trường hợp sau, trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê dựa trên cơ sở khai báo của người khai hải quan theo nguyên tắc:

a) Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm, bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm;

b) Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm;

c) Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: là toàn bộ trị giá của hàng hóa, loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng thuê tài chính.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ thông tin về trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê."

11. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 7 Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:

a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến Cục Hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan;

c) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Trách nhiệm của Cục Hải quan:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Cục Hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước;

b) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Cục Hải quan."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan và các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước."

12. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3, 4, 5 và 10 Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy:

a) Hành lý vượt định mức miễn thuế;

b) Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm xuất, tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ;

d) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử.

Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan có văn bản đề nghị Chi cục Hải quan khu vực nơi dự kiến làm thủ tục hải quan, trong đó nêu rõ tên và nguyên nhân sự cố, thời hạn dự kiến khắc phục sự cố và lựa chọn phương thức thực hiện thủ tục khai hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy trong thời gian hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan gặp sự cố;

đ) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan, tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khi kiểm tra hồ sơ cơ quan hải quan đủ cơ sở xác định hàng hóa thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép tại thời điểm đăng ký tờ khai thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Khi khai hải quan, người khai hải quan thực hiện:

a) Tạo thông tin khai tờ khai hải quan trên Hệ thống khai hải quan điện tử;

b) Nộp tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc dữ liệu số hóa đến cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Trường hợp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã có trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải nộp cho cơ quan hải quan. Trường hợp phải nộp bản chính chứng từ thuộc hồ sơ hải quan thì người khai hải quan phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính cho cơ quan hải quan;

c) Tiếp nhận thông tin phản hồi và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan.

Đối với khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan khai đầy đủ các tiêu chí trên tờ khai hải quan, ký tên, đóng dấu (trừ trường hợp người khai hải quan là cá nhân) trên tờ khai hải quan và nộp các chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan cho cơ quan hải quan."

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Người khai hải quan phải khai tờ khai hải quan mới trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan;

b) Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập, tạm xuất đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa.

Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu."

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

"10. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc khai bổ sung, hủy tờ khai hải quan, đăng ký tờ khai hải quan một lần; khai tờ khai hải quan mới đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa và xử lý trong trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố."

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

"4. Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ tiêu chí phân loại mức độ rủi ro do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để quyết định kiểm tra hải quan và thông báo trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo một trong những hình thức dưới đây:

a) Chấp nhận thông tin khai Tờ khai hải quan để quyết định thông quan hàng hóa;

b) Kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình hoặc các chứng từ có liên quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để quyết định việc thông quan hàng hóa hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa để quyết định thông quan.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể thời điểm thông báo việc kiểm tra hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan."

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

"Điều 28. Kiểm tra hải quan trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ hàng hóa trong địa bàn hoạt động hải quan

1. Căn cứ kết quả phân tích thông tin quản lý rủi ro, cơ quan hải quan quyết định việc kiểm tra hàng hóa thông qua máy soi, thiết bị kỹ thuật khác.

2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu đến địa điểm kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

3. Trường hợp kiểm tra hàng hóa qua máy soi, thiết bị kỹ thuật, cơ quan hải quan phát hiện lô hàng có nghi vấn cần phải kiểm tra thực tế hàng hóa bởi công chức hải quan, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi để phối hợp bố trí khu vực lưu giữ riêng."

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 29 như sau:

"5. Trường hợp bằng các máy móc, thiết bị kỹ thuật do cơ quan hải quan trang bị, công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa không đủ cơ sở để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan về tên hàng, mã số, chất lượng, khối lượng thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan: Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa đề nghị cơ quan kiểm định hải quan thực hiện phân tích phân loại; kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật của hàng hoá bằng máy móc, trang thiết bị để xác định các nội dung trên và căn cứ kết quả của cơ quan kiểm định hải quan để quyết định việc thông quan hàng hoá.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Cục Hải quan thông báo Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan.

b) Trường hợp hàng hoá không thuộc Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan: Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa trưng cầu giám định của tổ chức giám định theo quy định của pháp luật và căn cứ kết quả giám định để quyết định việc thông quan hàng hóa."

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 như sau:

"1. Giải phóng hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Hải quan. Các trường hợp được giải phóng hàng bao gồm:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa, số lượng, trọng lượng, khối lượng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan.

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng được xem thuộc trường hợp phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa mà không phải lấy mẫu để phân tích, phân loại hoặc giám định khi có cùng tên hàng, thành phần, cấu tạo, tính chất lý hóa, tính năng, công dụng, quy cách đóng gói, cùng nhà sản xuất với hàng hóa trước đó đã được lấy mẫu, đang chờ kết quả phân tích, phân loại hoặc giám định của cùng người khai hải quan;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở giá do người khai hải quan tạm tính;

c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan;

d) Người khai hải quan chưa có đủ thông tin, tài liệu để xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì được giải phóng hàng hóa nếu được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định."

17. Sửa đổi, bổ sung tên điều và khoản 1, khoản 2 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 33 như sau:

"Điều 33. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải"

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

"1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc đối tượng phải kiểm dịch thì phải kiểm dịch tại cửa khẩu trước khi hoàn thành thủ tục hải quan trừ trường hợp pháp luật về kiểm dịch cho phép đưa hàng hóa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm thì việc kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan.

Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp vì yêu cầu kỹ thuật, chuyên môn phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành;

b) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu;

c) Trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu.

Người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc cơ quan hải quan thực hiện việc lấy mẫu;

d) Khi lấy mẫu phải có đại diện của người khai hải quan. Mẫu phải được niêm phong và lập Biên bản chứng nhận việc lấy mẫu có xác nhận của người khai hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành;

đ) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

Trường hợp cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận bản chụp thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan."

https://thuvienxuatnhapkhau.com

18. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 34 như sau:

"a) Bố trí khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận; hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan;"

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

"Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 47a Luật Hải quan được bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm:

a) Hàng hoá gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;

b) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam.

2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; được giao, nhận hàng hóa trước làm thủ tục hải quan sau hoặc được làm thủ tục hải quan trước giao, nhận hàng hoá sau; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hóa.

3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được coi là đã hoàn thành thủ tục hải quan khi các tờ khai xuất khẩu tại chỗ và tờ khai nhập khẩu tại chỗ đều đã hoàn thành thủ tục hải quan.

4. Thời hạn, địa điểm, phương thức giao, nhận hàng hóa thực hiện theo chỉ định của thương nhân nước ngoài và phải thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan hoặc trước thời điểm thực hiện việc giao, nhận hàng hóa.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này."

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 như sau:

"1. Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu

a) Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc,

https://thuvienxuatnhapkhau.com

thiết bị đầu tiên để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành cho cơ quan hải quan quản lý địa bàn nơi có cơ sở sản xuất thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu dẫn đến thay đổi mặt bằng, địa chỉ, quy mô sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu thì phải thông báo với cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu, đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại, địa điểm lưu giữ mới. Trường hợp có sự thay đổi ngoài các nội dung nêu trên thì phải thông báo cho cơ quan hải quan chậm nhất vào ngày thứ mười tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

"Điều 39. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu

1. Các trường hợp kiểm tra:

a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;

b) Khi phát hiện có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân thay đổi thông tin về địa chỉ, ngành hàng, quy mô, năng lực sản xuất nhưng không thông báo với cơ quan hải quan;

c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công;

d) Khi phát hiện dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân lưu giữ nguyên liệu vật tư, linh kiện nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan;

đ) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.

2. Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu quyết định việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nhận được quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc.

3. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra địa chỉ cơ sở gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu;

b) Kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh;

c) Kiểm tra nhà xưởng, máy móc, thiết bị;

d) Kiểm tra tình trạng nhân lực tham gia dây chuyền sản xuất;

đ) Kiểm tra quy trình, năng lực, quy mô sản xuất, gia công;

e) Kiểm tra việc lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu tại các địa điểm đã thông báo và kiểm tra việc theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán theo dõi kho hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho lượng nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị.

4. Xử lý kết quả kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu:

a) Trường hợp cơ sở sản xuất đủ điều kiện để thực hiện hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu thì được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) kể từ thời điểm tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở sản xuất cho cơ quan hải quan;

b) Trường hợp không có cơ sở gia công, sản xuất hoặc có cơ sở gia công, sản xuất nhưng không đúng với nội dung đã thông báo, không phù hợp để thực hiện gia công, sản xuất xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân phải nộp đủ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có), tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu đến ngày thực nộp thuế và bị xử lý vi phạm theo quy định đối với số lượng nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu không được ưu đãi thuế theo quy định;

c) Trường hợp có căn cứ xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị vượt quá năng lực sản xuất hoặc thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật mà tổ chức, cá nhân không xuất trình được giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc nhập khẩu nguyên liệu vật tư, máy móc, thiết bị không phù hợp với ngành nghề sản xuất đã thông báo với cơ quan hải quan thì cho phép tổ chức, cá nhân được giải trình, chứng minh; trường hợp tổ chức, cá nhân không giải trình hoặc giải trình, chứng minh không hợp lý thì xử lý theo quy định."

https://thuvienxuatnhapkhau.com

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 40 như sau:

"1. Các trường hợp kiểm tra:

a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhưng không có sản phẩm xuất khẩu;

b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất;

c) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan;

d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế;

đ) Kiểm tra trên cơ sở quản lý rủi ro đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc diện phải thông báo ngay thông tin thay đổi về mặt bằng, địa chỉ, quy mô sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định này.

Đối với các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức cá nhân có văn bản giải trình theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Việc kiểm tra chỉ được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan có căn cứ giải trình của tổ chức, cá nhân là không hợp lý."

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

"Điều 43. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh

1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thực hiện tại trụ sở hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng

a) Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:

a.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không là cảng đích ghi trên vận đơn.

Trường hợp cảng đích ghi trên vận đơn không phải là cảng biển, cảng hàng không thì cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng khi tàu biển, tàu bay nhập cảnh vào Việt Nam;

a.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa là cửa khẩu quốc tế nơi hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam;

a.4) Đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh, cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên là địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng hóa bưu chính, chuyển phát nhanh.

b) Cửa khẩu xuất cuối cùng là cửa khẩu nơi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa quá cảnh xuất cảnh.

Hàng hóa quá cảnh theo các Hiệp định đa phương về quá cảnh hàng hóa được Việt Nam ký kết tham gia, thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

2. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai; Trường hợp tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai không thể khai thông tin chi tiết về hàng hóa thì người khai hải quan khai bảng kê chi tiết hàng hoá quá cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;

c) Giấy phép quá cảnh; giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.

3. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này;

b) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu, thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Hải quan;

c) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển.

Trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian thì người khai hải quan sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển hoặc chính quyền địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa quá cảnh phải đáp ứng điều kiện giám sát hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Hải quan;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

đ) Trường hợp hàng hóa quá cảnh có thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu, người khai hải quan gửi văn bản đề nghị Hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải được thực hiện tại khu vực cửa khẩu, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các địa điểm khác do Cục trưởng Cục Hải quan công nhận theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan;

e) Hàng hóa quá cảnh đóng ghép với hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng các điều kiện sau:

e.1) Hàng hóa quá cảnh và hàng hóa xuất khẩu phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì);

e.2) Hàng hóa quá cảnh phải không thuộc danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ;

e.3) Việc đóng ghép phải thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ tại cửa khẩu xuất cuối cùng hoặc địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.

g) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

4. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu nhập:

a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Thực hiện giám sát hải quan theo quy định tại khoản 7 Điều này;

c) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm;

d) Theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan;

đ) Trường hợp chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu, cơ quan hải quan nơi tiếp nhận văn bản đề nghị kiểm tra nếu địa điểm đáp ứng điều kiện quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này và phù hợp với tuyến đường quá cảnh đã đăng ký với cơ quan hải quan thì lập biên bản bàn giao, gửi kèm văn bản đề nghị đã được phê duyệt cho Hải quan nơi thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu.

5. Trách nhiệm của Hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a) Tiếp nhận lô hàng vận chuyển đến và kiểm tra, đối chiếu tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa với biên bản bàn giao;

b) Giám sát hoạt động chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu;

c) Niêm phong hải quan trong trường hợp có thay đổi niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển;

d) Lập biên bản bàn giao cho Hải quan cửa khẩu xuất hoặc Hải quan nơi thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu.

6. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu xuất:

a) Kiểm tra các thông tin về tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa.

Trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa ra nước ngoài, Hải quan cửa khẩu xuất căn cứ thông tin về lộ trình, thời gian vận chuyển, các cảnh báo (nếu có) để quyết định việc kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển;

c) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm;

d) Tiếp nhận văn bản đề nghị đóng chung với hàng xuất khẩu theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này;

đ) Giám sát hàng hóa đến khi thực xuất khẩu.

7. Giám sát hải quan:

a) Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc giám sát bằng phương tiện kỹ thuật. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa;

b) Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

c) Hàng hóa quá cảnh là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hoặc được giám sát trực tiếp bằng công chức hải quan."

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

"Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại cảng biển

1. Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào các bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính bến cảng này hoặc đưa đến bến cảng khác trong cùng một cảng biển hoặc cảng biển khác để đưa ra nước ngoài. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.

2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, thay container, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất.

Thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển không quá 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại cảng biển Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì thời gian trung chuyển được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp thuận.

3. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cảng biển Việt Nam, trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng và quá trình vận chuyển cho đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Thực hiện khai tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này hoặc khai chứng từ thay thế tờ khai hải quan;

b) Chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển trong suốt quá trình vận chuyển, lưu giữ hàng hóa tại cảng;

c) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

d) Đưa toàn bộ hàng hóa trung chuyển ra nước ngoài trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu nhập:

a) Tiếp nhận và xử lý tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan;

b) Thực hiện giám sát hàng hóa trung chuyển;

c) Niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng trong trường hợp không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;

d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.

6. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu xuất:

a) Kiểm tra các thông tin trên tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai;

b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc nguyên trạng hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong;

c) Thực hiện việc giám sát hàng hóa trung chuyển xếp lên phương tiện vận tải để xuất ra nước ngoài;

d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể Điều này."

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

"**Điều 47. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu**

1. Thương nhân được tái nhập hàng hóa chưa qua sử dụng của chính thương nhân nhưng bị trả lại. Hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài đã xuất khẩu không được tái nhập để tiêu hủy.

2. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai hải quan;

b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: nộp 01 bản chụp.

3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai hải quan không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

4. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

5. Đối với hàng hóa tái nhập để tiêu huỷ, sửa chữa, tái chế sau đó tái xuất hoặc tái nhập để tái xuất ra nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, thời hạn tiêu huỷ, tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tái nhập, trừ trường hợp hàng hóa đặc thù có thời gian sửa chữa, tái chế quá 12 tháng theo yêu cầu của chu trình sản xuất thì cơ quan hải quan quyết định theo thỏa thuận của các bên.

Người khai hải quan chưa phải nộp thuế trong thời hạn sửa chữa, tái chế, nếu quá thời hạn sửa chữa, tái chế đã đăng ký mà chưa tái xuất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

6. Thủ tục tái xuất hàng đã sửa chữa, tái chế thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.

7. Xử lý hàng sửa chữa, tái chế không tái xuất được:

a) Đối với sản phẩm sửa chữa, tái chế là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu: Làm thủ tục hải quan để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy.

Trường hợp tiêu thụ nội địa phải kê khai, nộp thuế đối với nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để đóng gói, dán nhãn hoặc gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;

b) Đối với sản phẩm sửa chữa, tái chế không phải là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu thì chuyển tiêu thụ nội địa như hàng hóa tái nhập để tiêu thụ nội địa. Việc xử lý về thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế;

c) Đối với sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu tái nhập sửa chữa, tái chế nhưng chỉ sử dụng được một phần nguyên liệu, vật tư để tiếp tục sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu (cùng hoặc khác chủng loại sản phẩm) thì phải theo dõi, xây dựng định mức riêng cho các mã sản phẩm sau sửa chữa, tái chế. Phế liệu, phế phẩm, phế thải loại ra từ quá trình sửa chữa, tái chế được theo dõi, xử lý tương tự như phế liệu, phế phẩm, phế thải của hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

8. Trường hợp hàng hóa tái nhập là sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu được hoàn thuế nhập khẩu thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tái nhập thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục báo cáo quyết toán hoặc nơi làm thủ tục hoàn thuế biết (nếu là hai cơ quan hải

https://thuvienxuatnhapkhau.com

quan khác nhau) về trường hợp không tái xuất được nêu tại khoản 7 Điều này hoặc trường hợp quá thời hạn nêu tại khoản 5 Điều này để xử lý thuế theo quy định.

9. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã qua sử dụng của chính thương nhân tái nhập khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài, sau đó tái xuất, thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định này."

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

"Điều 48. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất ra nước ngoài hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan

1. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai hải quan;

b) Hóa đơn thương mại trong trường hợp xuất bán ra nước ngoài hoặc hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng trong trường hợp xuất bán vào khu phi thuế quan: 01 bản chụp.

2. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.

3. Trường hợp hàng hóa (trừ hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu) đang chịu sự giám sát hải quan nhưng do gửi nhầm lẫn, thất lạc, không có người nhận hoặc bị từ chối nhận hàng do không phù hợp với hợp đồng, nếu người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất (trong đó nêu rõ lý do nhầm lẫn, thất lạc hoặc từ chối nhận) hoặc hàng hóa buộc tái xuất theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu quốc tế."

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

"Điều 49. Thủ tục hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng tạm nhập, tạm xuất

1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:

a) Container có hoặc không có móc treo;

b) Phương tiện (bồn) chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, được sử dụng chuyên dùng chứa và vận chuyển khí, chất lỏng có số ký hiệu in cố định trên vỏ mặt bồn và chuyên chở bằng xe ô tô chuyên dùng;

c) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan hoặc gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất đối với trường hợp khai Bản kê và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất trước thời điểm hết hạn tạm nhập, tạm xuất đã đăng ký với cơ quan hải quan.

Riêng đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập không quá 24 tháng trừ trường hợp phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng đang chứa hàng hóa tồn đọng tại khu vực giám sát hải quan.

3. Thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này

a) Người khai hải quan khai và nộp bộ hồ sơ tại Hải quan cửa khẩu. Bộ hồ sơ gồm:

a.1) Bản kê tạm nhập, tạm xuất hoặc tái xuất, tái nhập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 02 bản chính;

a.2) Chứng từ vận tải đối với phương tiện không chứa hàng: 01 bản chụp;

a.3) Văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.

b) Cơ quan hải quan kiểm tra, đối chiếu thông tin khai trên Bản kê tạm nhập, tạm xuất hoặc tái xuất, tái nhập với bộ hồ sơ hải quan, trường hợp các thông tin phù hợp và không có dấu hiệu nghi vấn xác nhận trên 02 Bản kê; lưu 01 bản và trả 01 bản cho người khai hải quan; trường hợp có nghi vấn thực hiện kiểm tra thực tế, xử lý vi phạm theo quy định;

c) Định kỳ hàng năm, chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 người khai hải quan thực hiện báo cáo tình hình sử dụng, nơi lưu giữ phương tiện chứa hàng hóa cho cơ quan hải quan.

4. Hồ sơ và thủ tục hải quan đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a) Người khai hải quan khai và nộp bộ hồ sơ tại Hải quan cửa khẩu hoặc Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa chứa trong phương tiện chứa hàng theo phương thức quay vòng. Bộ hồ sơ gồm:

a.1) Tờ khai hải quan;

a.2) Chứng từ vận tải đường biển, đường hàng không, đường sắt đối với trường hợp phương tiện quay vòng tạm nhập không chứa hàng xuất khẩu, nhập khẩu: 01 bản chụp;

a.3) Giấy phép, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.

b) Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.

5. Địa điểm lưu giữ

Phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục tạm nhập.

Riêng phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thuộc sở hữu của hãng vận chuyển phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm đóng hàng, dỡ hàng của người xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định này.

7. Phương tiện chứa hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này nếu xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua tài chính hoặc hình thức khác thì thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Mục 5 Chương này."

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

"Điều 50. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất

1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:

a) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b) Tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng;

c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;

d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;

đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;

e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;

g) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác.

2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:

a) Tờ khai hải quan;

b) Đối với hàng hóa tạm nhập thì nộp bổ sung:

b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp;

b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo quy định của pháp luật; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính;

b.3) Hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, tàu bay đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;

b.4) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm nhập, tái xuất để giới thiệu sản phẩm) đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;

b.5) Văn bản về việc tham gia các công việc đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này: 01 bản chụp.

3. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:

a) Tờ khai hải quan;

b) Đối với hàng hóa tạm xuất thì nộp bổ sung:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b.1) Giấy phép tạm xuất, tái nhập theo quy định của pháp luật; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính;

b.2) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất, tái nhập để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp.

c) Đối với hàng hóa tái nhập thì nộp bổ sung chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp.

4. Địa điểm làm thủ tục hải quan:

Người khai hải quan được lựa chọn làm thủ tục hải quan tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập tại cơ quan Hải quan nơi thuận tiện.

5. Thủ tục hải quan:

a) Thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này;

b) Đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa thực hiện theo quy định đối với loại hình gia công theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập:

a) Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e và g khoản 1 Điều này thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan.

Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất hàng hóa để thực hiện dự án thì thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì thời hạn tái xuất, tái nhập như sau:

b.1) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b.2) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là một năm kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này: Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo thời hạn thực tế phát sinh công việc và phải đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp giấy tờ chứng minh việc kéo dài thời hạn phát sinh công việc cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.

7. Trường hợp doanh nghiệp tạm nhập, tạm xuất thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải làm thủ tục hải quan nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này.

8. Trường hợp hàng hóa tạm nhập, tạm xuất để nghiên cứu, phát triển sản phẩm khi tái xuất, tái nhập không đảm bảo nguyên trạng ban đầu thì người khai hải quan phải tái xuất, tái nhập toàn bộ sản phẩm, linh kiện, phụ tùng cấu tạo nên sản phẩm ban đầu."

29. Sửa đổi các khoản 2, 5, 6 và bổ sung khoản 7 Điều 59 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Người xuất cảnh, nhập cảnh không phải khai hải quan nếu không có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, không có hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi.

Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hàng hóa vượt định mức hành lý miễn thuế qua khu vực kiểm tra hải quan mà không khai hải quan đều coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bất hợp pháp và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi khai hải quan, người khai hải quan không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi. Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh,

https://thuvienxuatnhapkhau.com

xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho.

Trước khi kết thúc ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng gửi thông tin về hành lý gửi kho cho Hải quan cửa khẩu theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 5 Điều này, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại hoặc cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ thì xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng tại địa bàn hoạt động hải quan."

d) Bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Trong trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường hàng không, không có thẻ hành lý, không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật."

30. Sửa đổi, bổ sung các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 60 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hành lý đến cửa khẩu; trường hợp hành lý gửi cùng chuyến đi vượt quá định mức miễn thuế thì thực hiện thủ tục hải quan ngay sau khi nhập cảnh."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

"6. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 5 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu, cơ quan hải quan thực hiện xử lý theo quy định."

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Khi làm thủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại khoản 1 Điều này, người nhập cảnh không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thì không được áp dụng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách quản lý đối với hàng nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều này."

31. Bổ sung Điều 60a như sau:

"Điều 60a. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh, tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam

1. Hàng hóa nhập khẩu để cung ứng cho tàu bay xuất cảnh, tàu biển nước ngoài được lưu giữ tại các địa điểm sau:

a) Kho ngoại quan;

b) Khu vực cửa khẩu có tàu bay, tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh;

c) Cơ sở gia công, sản xuất suất ăn.

2. Hàng hoá cung ứng cho tàu bay, tàu biển xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo loại hình xuất khẩu, nhập khẩu tương ứng và được đăng ký tờ khai một lần, giao nhận nhiều lần."

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 61 như sau:

"Điều 61. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Đối với tàu bay nhập cảnh:

a) Hồ sơ hải quan:

a.1) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a.2) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;

a.3) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;

a.4) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay;

a.5) Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;

a.6) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);

a.7) Thông tin về chuyến bay bao gồm: Đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian nhập cảnh.

b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:

b.1) Chậm nhất 03 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian dài hơn 03 giờ bay;

b.2) Chậm nhất 30 phút trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian bay ngắn hơn 03 giờ bay;

b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR).

c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:

c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan;

c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.3, a.4, a.5, a.7 khoản 1 Điều này được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu bay nhập cảnh dừng đỗ tại vị trí quy định;

c.3) Chứng từ quy định tại điểm a.6 khoản 1 Điều này được thực hiện chậm nhất 08 giờ trước thời gian tàu bay dự kiến nhập cảnh.

2. Đối với tàu bay xuất cảnh:

a) Hồ sơ hải quan:

a.1) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa xuất khẩu;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a.2) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;

a.3) Danh sách tổ lái, nhân viên làm việc trên tàu bay;

a.4) Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;

a.5) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);

a.6) Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian xuất cảnh.

b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:

b.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;

b.2) Chậm nhất 01 giờ sau thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;

b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.

c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:

c.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;

c.2) Trong 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;

c.3) Chậm nhất 08 giờ trước thời điểm chuyến bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.

3. Đối với tàu bay quá cảnh

Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

Tàu bay quá cảnh khi dừng kỹ thuật không phải làm thủ tục kê khai hải quan, nhưng phải chịu sự giám sát hải quan."

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 63 như sau:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

"Điều 63. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người phát hành vận đơn thứ cấp có trách nhiệm cung cấp đủ thông tin vận đơn thứ cấp đối với tàu bay nhập cảnh cho hãng hàng không để khai báo trong thời hạn quy định tại Điều 61 Nghị định này và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu bay không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan khai 01 bản chính chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và nộp cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.

Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.

Ngay sau khi sự cố được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm

https://thuvienxuatnhapkhau.com

tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.

3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với tàu bay thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu bay không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho người khai hải quan;

c) Trường hợp Cảng vụ hàng không, Tòa án, Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có văn bản yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.

Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận;

b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

Cơ quan hải quan có trách nhiệm thực hiện việc giám sát đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại sân bay.

Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông tin do doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không cung cấp theo quy định tại Điều 61 Nghị định này và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.

Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn theo quy định của pháp luật."

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 64 như sau:

"Điều 64. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không, Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không:

a) Chậm nhất 24 giờ đối với chuyến bay thường lệ hoặc chậm nhất 01 giờ đối với chuyến bay không thường lệ trước khi tàu bay nhập cảnh và trước khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng không cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu trên chuyến bay xuất cảnh và quá cảnh, cung cấp cho Hải quan quản lý sân bay gồm các thông tin sau:

a.1) Quốc tịch tàu bay;

a.2) Loại tàu bay;

a.3) Hành trình bay;

a.4) Thời gian đến, thời gian đi của tàu bay;

a.5) Vị trí đỗ của tàu bay;

a.6) Cửa vào của hành khách;

a.7) Thời gian xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống tàu bay.

b) Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

c) Chia sẻ dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế với cơ quan hải quan để phục vụ việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Trách nhiệm của Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền:

a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;

c) Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh;

d) Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để bay tiếp chặng quốc tế, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay."

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau:

"Điều 65. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng

1. Đối với tàu biển nhập cảnh:

a) Hồ sơ hải quan:

a.1) Bản khai chung;

a.2) Danh sách thuyền viên;

a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;

a.4) Bản khai dự trữ của tàu;

a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;

a.6) Bản khai hàng hóa trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;

a.7) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;

a.8) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:

b.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 08 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng;

b.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 12 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình dưới 5 ngày hoặc chậm nhất 24 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình khác.

c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:

c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng;

c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan.

2. Đối với tàu biển xuất cảnh:

a) Hồ sơ hải quan:

a.1) Bản khai chung;

a.2) Danh sách thuyền viên;

a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;

a.4) Bản khai dự trữ của tàu;

a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;

a.6) Bản khai hàng hóa trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;

a.7) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

Khi tàu biển xuất cảnh, nếu không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này.

b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu dự kiến rời cảng;

c) Thời hạn sửa đổi hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng.

3. Đối với tàu biển quá cảnh

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với tàu biển chuyển cảng

Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng và chứng từ liên quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng đến tiếp theo."

36. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 như sau:

"Điều 67. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng

1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp người khai hải quan không có thông tin vận đơn thứ cấp thì cung cấp số tiếp nhận hồ sơ tàu biển nhập cảnh cho người phát hành vận đơn thứ cấp để khai đầy đủ thông tin vận đơn thứ cấp trong thời hạn quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung đối với chứng từ quy định tại điểm a.6, điểm a.7, điểm a.8 khoản 1 Điều 65 Nghị định này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu biển không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.

Ngay sau khi sự cố Hệ thống được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

đ) Trường hợp tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh có hoạt động chuyển tải, sang mạn tại khu neo đậu, chuyển tải do cơ quan có thẩm quyền công bố thì trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải, người khai hải quan thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn cho cơ quan hải quan quản lý khu vực chuyển tải, sang mạn để thực hiện giám sát theo quy định.

2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.

3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với tàu biển thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu biển không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Cảng vụ hàng hải để làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh;

c) Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu biển vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường của Hãng tàu không thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 Điều 68 Nghị định này.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng, cơ quan kiểm dịch và cơ quan có thẩm quyền khác thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng:

a) Đối với tàu biển quá cảnh

Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này ngay tại cơ quan hải quan tại nơi tàu biển nhập cảnh.

Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam năm 2012; thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng;

b) Đối với tàu biển chuyển cảng:

b.1) Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do Cảng vụ hàng hải, Hãng tàu/Đại lý hãng tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi đến cơ quan hải quan nơi tàu dự kiến đến;

b.2) Cơ quan hải quan tại nơi tàu đến tiếp nhận phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng, phản hồi thông tin cho hải quan nơi lập phiếu và thực hiện thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này;

b.3) Trường hợp Hệ thống gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến.

Cơ quan hải quan nơi tàu đến tiếp nhận từ người khai hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do cơ quan hải quan nơi tàu rời đi chuyển đến, phản hồi thông tin cho cơ quan hải quan nơi lập phiếu chuyển hồ sơ.

5. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.

Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận;

b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

6. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:

a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải;

b) Trong quá trình giám sát tàu biển neo đậu, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Đội trưởng Hải quan quản lý địa bàn giám sát, Đội trưởng Hải quan làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền quyết định kiểm tra thực tế tàu biển, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật liên quan hoặc thực hiện dừng, tạm hoãn việc khởi hành tàu biển theo quy định của pháp luật;

c) Trên cơ sở thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn, cơ quan hải quan thực hiện giám sát trên nguyên tắc quản lý rủi ro."

37. Sửa đổi, bổ sung Điều 68 như sau:

"Điều 68. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển, Thuyền trưởng và Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền

1. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a) Ngay sau khi nhận được xác báo về thời gian tàu đến cảng hoặc thời gian dự kiến tàu rời cảng, Cảng vụ hàng hải phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển biết để phối hợp;

b) Ngay sau khi quyết định điều động tàu xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào cảng, thay đổi vị trí neo đậu của tàu, thuyền (nếu có), Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển về thời gian và địa điểm được chỉ định cho tàu, thuyền vào neo đậu tại cảng biển;

c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó thì Cảng vụ hàng hải gửi 01 bản chụp cho cơ quan hải quan;

d) Chia sẻ thông tin hệ thống nhận dạng tự động tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan để phục vụ công tác quản lý, giám sát hải quan.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng biển:

a) Chia sẻ thông tin ca-mê-ra với cơ quan hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối với tàu biển và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ tại khu vực cảng biển;

b) Trước khi dỡ hàng xuống cảng, doanh nghiệp kinh doanh cảng phải thông báo cho cơ quan hải quan vị trí kho, bãi dự kiến lưu giữ hàng hóa nhập khẩu;

c) Phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra tại khu vực cảng biển theo quy định của Luật Hải quan và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

a) Điều khiển phương tiện vận tải nhập cảnh từ khi đến lãnh thổ Việt Nam cho đến khi tới địa bàn hoạt động hải quan, điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh từ địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đi đúng tuyến đường, neo đậu tại vị trí do cơ quan có thẩm quyền quy định. Trường hợp phải thay đổi tuyến đường, vị trí neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Chỉ được phép chuyển tải, sang mạn hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan tại vị trí được phép neo đậu do cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

4. Trách nhiệm của Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền:

a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;

c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan."

38. Sửa đổi, bổ sung Điều 70 như sau:

"Điều 70. Hồ sơ hải quan đối với tàu xuất cảnh

1. Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa:

a) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: 01 bản chính;

b) Vận đơn (nếu có): 01 bản chụp;

c) Bản trích lược khai hàng hóa tại ga liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có): 01 bản chính.

2. Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:

a) Chứng từ nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

b) Giấy giao tiếp hàng hóa: 01 bản chính;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

c) Bản xác báo thứ tự lập tàu: 01 bản chính;

d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có): 01 bản chính."

39. Sửa đổi, bổ sung Điều 71 như sau:

"**Điều 71. Thời hạn cung cấp thông tin và tiếp nhận hồ sơ hải quan**

1. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan:

a) Đối với tàu nhập cảnh:

a.1) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 69 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới;

a.2) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Nộp các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.

Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng thì người khai hải quan nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 69 Nghị định khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới và nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.

b) Đối với tàu xuất cảnh:

b.1) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng;

b.2) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Nộp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.

Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng thì người khai hải quan nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời

https://thuvienxuatnhapkhau.com

ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. Nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.

c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.

2. Thời hạn sửa đổi bổ sung thông tin hồ sơ hải quan

Người khai hải quan khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ, chỉ tiêu thông tin trước và sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này và trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan.

3. Tiếp nhận hồ sơ hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Ngay sau khi người khai hải quan cung cấp thông tin hồ sơ hải quan tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phản hồi kết quả khai báo thành công cho người khai hải quan khi thông tin khai báo đầy đủ các chứng từ quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này.

Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ phản hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định;

b) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới và ga liên vận quốc tế ở nội địa thực hiện tiếp nhận các chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này."

40. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 72 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Xử lý hồ sơ hải quan do người khai nộp và xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này như sau:

a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng toa xe hoặc container, số niêm phong (nếu có) với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi;

b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa; trường

https://thuvienxuatnhapkhau.com

hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định;

c) Bàn giao hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc biên giới trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đối với tàu nhập cảnh hoặc biên giới đối với tàu xuất cảnh theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

d) Xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp; niêm phong hồ sơ hải quan các chứng từ bàn giao cho Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp chuyển đến Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo quy định;

đ) Xác nhận và hồi báo cho Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến. Lưu hồ sơ hải quan gồm: Bản lược khai hàng hóa và các chứng từ liên quan theo quy định;

e) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, Đội trưởng Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan đối với tàu liên vận nhập cảnh, xuất cảnh: Không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình đầy đủ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này."

41. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 1 Điều 73 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 73 như sau:

"Điều 73. Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu liên vận quốc tế"

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Trách nhiệm của Trưởng ga:

a) Thông báo trước qua mạng máy tính, văn bản, điện fax cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế thông tin về hành trình tàu nhập cảnh, xuất cảnh gồm: số hiệu đầu tàu, toa xe; vị trí, thời gian tàu đến, dừng, rời ga liên

https://thuvienxuatnhapkhau.com

vận; thông tin về hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, hành lý của hành khách nhập cảnh, xuất cảnh gồm: vị trí, thời gian xếp, dỡ lên xuống tàu và các thông tin thay đổi có liên quan đến tàu, hàng hóa, hành lý;

b) Xác nhận và đóng dấu lên những chứng từ do Trưởng tàu nộp để làm thủ tục hải quan;

c) Nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho cơ quan hải quan;

đ) Bố trí kho, bãi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu tách biệt với khu vực khai thác hàng hóa nội địa, đảm bảo việc giám sát hải quan đối với tàu liên vận quốc tế và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Phối hợp với cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật hải quan trên tàu và tại các ga đường sắt liên vận quốc tế."

42. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 Chương IV như sau:

"Mục 4
THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI Ô TÔ, MÔ TÔ, XE GẮN MÁY XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH"

43. Sửa đổi, bổ sung Điều 74 như sau:

"Điều 74. Hồ sơ, thời hạn khai hải quan nhập cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập và ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập

1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh:

a) Giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp: Nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;

b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách: nộp 01 bản chính;

c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm xuất của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính;

d) Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu: 01 bản chính.

Các chứng từ quy định tại các điểm b, c và d khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

2. Thời hạn nộp hồ sơ:

a) Người khai hải quan nộp bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới;

b) Người khai hải quan được khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan;

c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.

3. Đối với ô tô nhập cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn."

44. Sửa đổi, bổ sung Điều 75 như sau:

"Điều 75. Hồ sơ, thời hạn khai hải quan xuất cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất và ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất

1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh:

a) Giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;

b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách: nộp 01 bản chính;

c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính.

Các chứng từ quy định tại điểm b, điểm c khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

2. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:

a) Người khai hải quan nộp bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới;

b) Người khai hải quan được khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh;

c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

3. Đối với ô tô xuất cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn."

45. Sửa đổi, bổ sung Điều 77 như sau:

"Điều 77. Thủ tục hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh

1. Trách nhiệm người khai hải quan:

a) Khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; nộp và xuất trình bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này. Đưa phương tiện vào vị trí kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

b) Trường hợp khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập.

2. Trách nhiệm cơ quan hải quan:

a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ;

b) Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra nội dung các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này và theo quy định của Chính phủ về quản lý xe cơ giới nước ngoài đưa vào Việt Nam;

c) Trường hợp hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan;

d) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì in tờ khai phương tiện tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện tạm xuất - tái nhập từ hệ thống, đóng dấu công chức hải quan tiếp nhận và dấu "VIET NAM CUSTOMS" theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành lên tờ khai và lên bản chính giấy phép liên vận hoặc sổ TAD hoặc giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép phương tiện vận tải xuất nhập cảnh theo quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc theo quy định của pháp luật, giao cho người khai hải quan để làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;

đ) Trường hợp không sử dụng được phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ, cơ quan hải quan cấp phát miễn phí tờ khai phương tiện vận tải cho người khai hải quan; hướng dẫn người khai hải quan khai thông tin vào tờ khai phương tiện vận tải;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

e) Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.

3. Kiểm tra hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh

Trên cơ sở thực hiện quản lý rủi ro hoặc trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Đội trưởng Hải quan quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Giám sát hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh

a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chủ trì và sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh;

b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.

5. Trường hợp thực hiện kiểm tra một cửa, một lần dừng thực hiện theo quy định thủ tục hải quan một cửa, một điểm dừng hoặc cơ chế một cửa quốc gia."

46. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 5 Chương IV như sau:

"Mục 5
THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH VÀ PHƯƠNG TIỆN QUA LẠI KHU VỰC CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐỂ GIAO NHẬN HÀNG HÓA"

47. Sửa đổi, bổ sung Điều 79 như sau:

"Điều 79. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ; tiếp nhận và xử lý hồ sơ đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa

1. Hồ sơ hải quan nhập cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nước ngoài tạm nhập và phương tiện vận tải đường thủy nội địa Việt Nam tái nhập:

a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;

b) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm xuất của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

c) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa: Nộp 01 bản chính;

d) Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có): Nộp 01 bản chính;

đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa: Nộp 01 bản chính;

e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa: Nộp 01 bản chính;

g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính.

Các chứng từ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

2. Hồ sơ hải quan xuất cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nước ngoài tái xuất và phương tiện vận tải đường thủy nội địa Việt Nam tạm xuất:

a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;

b) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính;

c) Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có): Nộp 01 bản chính;

d) Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện thủy nội địa: Nộp 01 bản chính;

đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa: Nộp 01 bản chính;

e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa: Nộp 01 bản chính;

g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính.

Các chứng từ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

3. Trách nhiệm của người khai hải quan: Khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải đường thủy (thuyền xuồng, ca nô) xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.

Trường hợp khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập.

Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.

4. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:

a) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan; thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh.

Trường hợp hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì in tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập từ hệ thống, đóng dấu công chức hải quan tiếp nhận và dấu "VIET NAM CUSTOMS" theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành lên tờ khai, giao cho người khai hải quan để làm thủ tục khi tái nhập hoặc tái xuất; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;

b) Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, tạm giữ, khám xét theo quy định của pháp luật.

5. Tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hô hiệu (IMO) xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại Điều 65, Điều 67 và Điều 68 Nghị định này.

6. Giám sát hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh;

b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, các phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh phải chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan, lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật."

48. Sửa đổi, bổ sung Điều 81 như sau:

"Điều 81. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù

1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách tuyến cố định, vận chuyển hàng hóa, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép vận tải hoặc giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc hệ thống và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng.

2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước thì thủ tục như sau:

a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ khai phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải;

b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý.

3. Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 và Điều 77 Nghị định này.

4. Đối với phương tiện cơ giới của người nước ngoài vào Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ, tái xuất qua cửa khẩu quốc tế đường biển, đường hàng không, đường sắt và ngược lại thì thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện tạm nhập tái xuất theo quy định tại Điều 77 Nghị định này.

5. Trường hợp hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu biên giới đường bộ bằng phương thức vận tải khác theo thỏa thuận của Việt Nam với các nước có

https://thuvienxuatnhapkhau.com

chung biên giới (phương tiện vận tải hàng hóa vận hành tự động, không có người điều khiển qua lại cửa khẩu biên giới đất liền trong phạm vi xác định, băng tải, ống dẫn, đường truyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới), tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm cung cấp trước thông tin hàng hóa, thời gian vận chuyển cho cơ quan hải quan để thực hiện giám sát theo quy định.

Chủ phương tiện phải cung cấp cho cơ quan hải quan danh sách các phương tiện qua lại cửa khẩu và không phải làm thủ tục hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh. Cơ quan hải quan cập nhật danh sách phương tiện vào sổ theo dõi và thực hiện việc giám sát phương tiện từ khi đến lãnh thổ Việt Nam đến khi vào địa điểm tập kết, kiểm tra tại cửa khẩu và quay lại ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

6. Phương tiện vận tải thô sơ và các phương tiện giao thông khác theo quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ (trừ phương tiện cơ giới) qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới chỉ được phép hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

Khi qua lại cửa khẩu biên giới, chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện xuất trình cho cơ quan hải quan giấy tờ tùy thân và giấy tờ phương tiện (nếu có). Trường hợp phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì nộp tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (hoặc chứng từ chứng minh là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) và 01 Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu (trong trường hợp vận chuyển hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam).

Người điều khiển phương tiện có trách nhiệm đưa phương tiện chở hàng hóa nhập khẩu vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải quan.

Cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra các chứng từ do người điều khiển phương tiện nộp, xuất trình theo quy định tại khoản này; cập nhật vào Sổ theo dõi theo quy định và thực hiện giám sát phương tiện trong thời gian phương tiện hoạt động tại khu vực cửa khẩu. Trường hợp các chứng từ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không cho phép phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh và thông báo rõ lý do cho người điều khiển phương tiện.

Thời gian phương tiện vận tải đường bộ quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ và thời gian phương tiện vận tải đường thủy nội địa quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 72 giờ kể từ khi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới. Trong trường hợp nếu có lý do chính đáng cần kéo dài thời gian lưu lại tại khu vực cửa khẩu thì người điều khiển phương tiện hoặc chủ hàng hóa có văn bản đề nghị, Đội trưởng Hải quan xem xét gia hạn, thời gian gia hạn thêm không quá 48 giờ.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

7. Phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phải đăng ký với cơ quan hải quan (01 năm 01 lần) để kiểm tra, giám sát theo quy định. Trong thời gian đăng ký, khi qua lại cửa khẩu biên giới, cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải khai hải quan; cơ quan hải quan thực hiện giám sát, đối chiếu thông tin phương tiện đã đăng ký khi phương tiện qua lại biên giới.

8. Các loại phương tiện quy định tại Điều này chỉ được tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập qua cùng một cửa khẩu. Cơ quan hải quan cửa khẩu có trách nhiệm làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, vào khu vực cửa khẩu để giao nhận hàng theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế phương tiện và xử lý theo quy định."

49. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 86 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Trong trường hợp muốn tiêu hủy lô hàng đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất hoặc quá thời hạn sử dụng phát sinh trong quá trình lưu giữ tại Việt Nam, chủ kho ngoại quan phải có văn bản thỏa thuận với chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng về việc đồng ý tiêu hủy. Văn bản thỏa thuận được gửi cho Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa hoặc nơi quản lý kho ngoại quan để theo dõi. Chủ hàng hóa hoặc chủ kho ngoại quan phải chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán các khoản chi phí tiêu hủy hàng hóa theo quy định của pháp luật."

b) Bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Hàng hóa xuất kho ngoại quan đưa ra cửa khẩu xuất để xuất khẩu chỉ được phép lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất không quá 15 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu xuất. Trong thời hạn nêu trên nếu hàng hóa không xuất được và còn thời hạn lưu giữ trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Điều 61 Luật Hải quan, chủ hàng phải có văn bản thông báo cơ quan hải quan cho phép đưa hàng hóa vào gửi kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực cửa khẩu, biên giới và thực hiện thủ tục vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.

Trường hợp chủ hàng không có văn bản đề nghị đưa hàng hóa vào gửi kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực cửa khẩu, biên giới thì cơ quan hải quan xử lý vi phạm theo quy định và buộc đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại cửa khẩu nhập ban đầu trong thời hạn 15 ngày, nếu chủ hàng không đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì bị xử lý theo quy định của pháp luật."

https://thuvienxuatnhapkhau.com

50. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 91 như sau:

"1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ quá thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Hải quan, nếu hàng hóa không được đưa ra khỏi địa điểm thu gom hàng lẻ thì xử lý theo quy định tại Điều *58* Luật Hải quan."

51. Sửa đổi, bổ sung Điều 97 như sau:

"Điều 97. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan

1. Đối với hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Hải quan ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan. Trường hợp khối lượng hàng hóa lớn, chủng loại hàng hóa phức tạp, có rủi ro về thuế, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực thực hiện ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.

Trường hợp người khai hải quan có trụ sở chính hoặc mã số thuế không thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan khu vực thì chỉ thực hiện kiểm tra đối với các tờ khai làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với tờ khai làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan khu vực khác, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra.

2. Thông báo kết quả kiểm tra

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra (theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở cơ quan hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ký quyết định kiểm tra ký ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan."

52. Sửa đổi, bổ sung Điều 98 như sau:

"Điều 98. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan

1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan:

a) Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc:

a.1) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a.2) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan trong phạm vi toàn quốc. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công.

b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc có mã số thuế thuộc địa bàn quản lý. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công.

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với người khai hải quan không thuộc địa bàn quản lý, Chi cục Hải quan khu vực báo cáo Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra.

2. Kết luận kiểm tra sau thông quan: Cơ quan hải quan kết luận theo từng nội dung đã thực hiện kiểm tra sau thông quan.

a) Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở để kết luận kiểm tra, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:

a.1) Dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ban hành quyết định kiểm tra hoàn thành dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan và gửi người khai hải quan;

a.2) Giải trình của người khai hải quan

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người khai hải quan có quyền giải trình bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp với người ký ban hành quyết định kiểm tra về các nội dung liên quan đến kết quả kiểm tra, dự thảo kết luận.

Trường hợp người khai hải quan từ chối giải trình bằng văn bản hoặc không giải trình trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan xử lý kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có;

a.3) Ký ban hành kết luận kiểm tra: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người ký ban hành quyết định kiểm tra có trách nhiệm:

a.3.1) Xem xét văn bản giải trình của người khai hải quan, kết quả làm việc với đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan trong trường hợp còn vấn đề cần làm rõ để ký ban hành kết luận kiểm tra;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

a.3.2) Ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan và gửi người khai hải quan (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).

Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan là ngày thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết thì thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan là ngày làm việc liền kề sau đó.

b) Đối với trường hợp cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận, cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:

b.1) Trường hợp toàn bộ nội dung kết luận phải chờ xin ý kiến: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến. Thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này;

b.2) Trường hợp kết luận kiểm tra có những nội dung đã đủ cơ sở kết luận và những nội dung cần ý kiến về chuyên môn, cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra đối với những nội dung đủ cơ sở kết luận theo thời hạn quy định tại điểm a khoản này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến; sau khi nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn, cơ quan hải quan ban hành kết luận bổ sung (trường hợp cần thiết) và xử lý kết quả kiểm tra theo khoản 4 Điều 100 (nếu phát sinh). Trường hợp ban hành kết luận bổ sung, thời hạn ký ban hành là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này;

b.3) Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan hải quan.

Trường hợp hết thời hạn 30 ngày, cơ quan hải quan không nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra (theo trình tự quy định tại điểm a khoản này) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn dựa trên kết quả kiểm tra và dữ liệu của cơ quan hải quan hiện có."

53. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 99 như sau:

"2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau:

a) Tạm dừng khi cơ quan hải quan chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan:

a.1) Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan hải quan, thuế, thanh tra, kiểm toán nhà nước, công an;

a.2) Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

b) Tạm dừng khi cơ quan hải quan đang thực hiện kiểm tra sau thông quan:

b.1) Trường hợp cơ quan hải quan tạm dừng để thực hiện xác minh tại cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tạm dừng do sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo tạm dừng gửi cho người khai hải quan. Thông báo nêu lý do và thời gian tạm dừng;

b.2) Trường hợp người khai hải quan đề nghị tạm dừng để có thời gian xử lý, khắc phục sự cố gây ra bởi sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người khai hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng nêu lý do và thời gian tạm dừng gửi người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định và thông tin cho người khai hải quan.

Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian kiểm tra của Quyết định kiểm tra sau thông quan."

54. Sửa đổi, bổ sung Điều 100 như sau:

"**Điều 100. Tổ chức hoạt động kiểm tra sau thông quan**

1. Kiểm tra sau thông quan thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro về lựa chọn đối tượng, phạm vi, nội dung, phương pháp kiểm tra và trong quá trình kiểm tra.

2. Thu thập thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan yêu cầu người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan.

3. Trình tự thực hiện kiểm tra sau thông quan

a) Ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan

Quyết định kiểm tra sau thông quan gửi cho người khai hải quan bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử; thời hạn gửi trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan;

b) Thực hiện kiểm tra sau thông quan:

b.1) Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Cơ quan hải quan và người khai hải quan ký biên bản công bố ghi nhận nguyên tắc kiểm tra, phương pháp kiểm tra và xác định thời điểm bắt đầu tiến hành kiểm tra;

b.2) Biên bản kiểm tra

Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra theo nội dung, phạm vi của quyết định kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và ghi nhận các nội dung đã kiểm tra với người khai hải quan bằng các biên bản kiểm tra.

Đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan: Các biên bản kiểm tra được lập, ký trong thời gian thực hiện quyết định kiểm tra. Sau khi kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra phù hợp quy định pháp luật), trường hợp người khai hải quan bổ sung chứng từ, tài liệu, dữ liệu, giải trình bổ sung hoặc trường hợp phức tạp cần làm rõ về nội dung đã kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập, ký biên bản kiểm tra ghi nhận nội dung giải trình, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 80 Luật Hải quan;

b.3) Biên bản làm việc

Cơ quan hải quan ghi nhận nội dung làm việc với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản làm việc;

b.4) Biên bản giao nhận

Cơ quan hải quan ghi nhận việc giao nhận hồ sơ, tài liệu, dữ liệu với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản giao nhận;

c) Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:

c.1) Trường hợp người khai hải quan cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu và giải trình chứng minh nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan chấp nhận nội dung khai báo;

c.2) Trường hợp người khai hải quan không cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu, không giải trình chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo và xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Cơ quan hải quan ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và Kết luận kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Nghị định này.

4. Tổ chức thực hiện xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Người có thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan tổ chức thực hiện hoặc phân công cho người có thẩm quyền cấp dưới theo quy định của pháp luật thực hiện:

a) Ban hành các quyết định hành chính về quản lý thuế và hải quan theo quy định (nếu có);

b) Xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự và pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

c) Đôn đốc người khai hải quan nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, tiền xử phạt theo các quyết định (nếu có) theo quy định của pháp luật;

d) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật (nếu có);

đ) Cập nhật thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan theo quy định (nếu có);

e) Kiến nghị những bất cập của chính sách, pháp luật, biện pháp quản lý (nếu có)."

55. Sửa đổi, bổ sung Điều 101 như sau:

"**Điều 101. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan**

1. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm:

a) Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

b) Tuần tra hải quan;

c) Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, vụ việc, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và người có liên quan;

d) Thu thập, nghiên cứu thông tin về cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

đ) Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử cán bộ, công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

e) Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

g) Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

h) Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

i) Cơ quan hải quan sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và quy định chế độ đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan quy định tại Điều này."

56. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 103 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thẩm quyền tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải

a) Đội trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được dừng, tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.

Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không dừng ngay phương tiện vận tải thì tang vật, tài liệu, phương tiện vận tải có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được dừng phương tiện vận tải để khám và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này;

b) Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được dừng, tạm hoãn việc khởi hành phương tiện tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

https://thuvienxuatnhapkhau.com

"3. Việc giao quyền phải thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi để yêu cầu phương tiện vận tải dừng lại.

Việc dừng, tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải phải bằng quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp tạm hoãn khởi hành đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa và đường biển, cơ quan hải quan phải thông báo cho cảng vụ hàng hải."

57. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 104 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đội trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được quyết định việc truy đuổi.

Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới phải được thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhận được thông báo có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dừng phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật."

58. Bổ sung Điều 104a như sau:

"Điều 104a. Trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Để thực hiện nhiệm vụ phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên các tuyến đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, cơ quan hải quan được trang bị xe ô tô, xe mô tô, tàu cao tốc, xuồng máy, canô và các phương tiện chuyên dùng khác có lắp đặt đèn hiệu, cờ hiệu hải quan, biểu tượng hải quan, pháo hiệu, loa, còi.

https://thuvienxuatnhapkhau.com

2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, khám phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp phép, quản lý, sử dụng các thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên của cơ quan hải quan đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về tín hiệu của xe được quyền ưu tiên."

59. Sửa đổi, bổ sung Điều 106 như sau:

"**Điều 106. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan**

1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin hải quan, bao gồm:

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin hải quan thông qua hoạt động cung cấp, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực hải quan;

b) Cử công chức hải quan ra nước ngoài để thực hiện nghiệp vụ thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 96 Luật Hải quan.

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan quy định tại điểm này;

c) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để thu thập thông tin liên quan về hàng hóa, phương tiện vận tải, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:

a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan;

c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước khác;

d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê;

https://thuvienxuatnhapkhau.com

đ) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan;

e) Cung cấp thông tin hải quan cho cơ quan hải quan nước ngoài, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết."

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

1. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 22; khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 24 bằng cụm từ "Cục Hải quan";

b) Thay thế cụm từ "Cục Hải quan" tại khoản 1 Điều 96 bằng cụm từ "Chi cục Hải quan khu vực";

c) Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan" tại khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 86; khoản 2 Điều 87; khoản 1, khoản 2 Điều 88 bằng cụm từ "Hải quan";

d) Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan" tại điểm c khoản 2 Điều 60 thành "Hải quan cửa khẩu";

đ) Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" tại khoản 2 Điều 13; khoản 4, khoản 6 Điều 24 bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan";

e) Thay thế cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố" tại khoản 2 Điều 40 bằng cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực";

g) Thay thế cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan" tại khoản 5 Điều 26; khoản 2, khoản 3 Điều 27; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 29; khoản 2 Điều 32; khoản 4 Điều 34; khoản 2 Điều 40 bằng cụm từ "Đội trưởng Hải quan".

2. Bãi bỏ Điều 7; Điều 8; cụm từ "khoản 1" tại khoản 1 Điều 17; cụm từ "trước ngày hiệu lực của Nghị định này" tại khoản 4 Điều 19; cụm từ "chủng loại" tại khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 30; Điều 31; khoản 4 Điều 33; cụm từ "sau thông quan" tại khoản 2 Điều 40; Điều 51; Điều 52; Điều 53; Điều 54; Điều 55; Điều 58; Điều 62; Điều 66; Điều 76; Điều 78; Điều 80; Điều 82; điểm c khoản 2 Điều 84; Điều 89; Điều 92 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và

https://thuvienxuatnhapkhau.com

các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Riêng các khoản 5, 6 và 19 Điều 1 Nghị định này sửa đổi, bổ sung Điều 10, Điều 11 và Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Điều khoản chuyển tiếp

Các doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, phải hoàn thiện điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định này sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Nghị định này bãi bỏ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phớc

https://thuvienxuatnhapkhau.com

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO HÀNH LÝ CỦA NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH GỬI KHO

Kính gửi: Hải quan cửa khẩu.....

Căn cứ quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .... của Chính phủ, Công ty thông báo số lượng hành lý của khách xuất cảnh, nhập cảnh từ....giờ ngày ...tháng....năm....đến...giờ ngày....tháng....năm ... gửi kho của Công ty cụ thể như sau:

1. Hành lý của khách xuất cảnh:

STT	Tên hành khách	Số Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương	Quốc tịch	Thông tin liên hệ (số điện thoại/email)	Số ký hiệu phương tiện xuất cảnh	Tên hành lý (mô tả chi tiết)	Số lượng	Tình trạng (mới/đã qua sử dụng)	Ghi chú

2. Hành lý của khách nhập cảnh:

STT	Tên hành khách	Số Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương	Quốc tịch	Thông tin liên hệ (số điện thoại/email)	Số ký hiệu phương tiện nhập cảnh	Tên hành lý (mô tả chi tiết)	Số lượng	Tình trạng (mới/đã qua sử dụng)	Ghi chú

Xác nhận của Hải quan cửa khẩu

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

https://thuvienxuatnhapkhau.com